SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA DIỄN CHÂU
Số: 1603/QĐ-BVDC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Diễn Châu, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng thuốc generic theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn lần 4 năm 2026 cho Bệnh viện đa khoa Diễn Châu

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA DIỄN CHÂU

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/09/2026 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 2149/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế Nghệ An về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Quyết định số 1602/QĐ-BVDC về việc bố trí nguồn vốn thực hiện gói thầu: Mua sắm các mặt hàng thuốc generic theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn lần 4 năm 2026 cho Bệnh viện đa khoa Diễn Châu ;

Theo đề nghị của Khoa Dược tại Tờ trình số 15/TTr-KD ngày 21/09/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm các mặt hàng thuốc generic theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn lần 4 năm 2026 cho Bệnh viện đa khoa Diễn Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán Mua sắm các mặt hàng thuốc cho Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu lần 4 năm 2026 với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao các Tổ đấu thầu các gói thầu thuộc dự toán Mua sắm các mặt hàng thuốc cho Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu năm 2026, khoa Dược, phòng Tài chính Kế toán, các Khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Tổ đấu thầu, khoa Dược, phòng Tài chính Kế toán, các khoa phòng và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Ban giám đốc;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA DIỄN CHÂU

Hồ Ngọc Thái

PHỤ LỤC 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU CHO GÓI THẦU THUỘC DỰ TOÁN MUA SẮM CÁC MẶT HÀNG THUỐC CHO BỆNH VIỆN ĐA KHOA DIỄN CHÂU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-BVDC ngày 20/11/2026 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	*Tóm tắt công việc chính của gói thầu*									
1	Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu	Mua sắm các mặt hàng thuốc generic theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn lần 4 năm 2026 cho Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	Lựa chọn nhà thầu cung ứng thuốc generic	1.999.870.000	Nguồn thu viện phí, Bảo hiểm và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu năm 2026-2027.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	15 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	Thời gian thực hiện gói thầu cho từng phần là 12 tháng	Không
Tổng giá trị gói thầu: 1.999.870.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).												

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC MUA SẮM

(Kèm theo Quyết định số 1603/QĐ-BVDC ngày 20/11/2026 của BVĐK Diễn Châu)

TT	Mã HH	STT trong Thông tư 20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (+VAT)	Thành tiền (+VAT)
1	CG501	889	Oxytocin	1	10UI	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000	14.000	140.000.000
2	CG502	992	Glucose	1	10%/500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	500	27.500	13.750.000
3	CG503	999	Medium-chain Triglicerides + Soya-bean Oil	1	(10,0g + 10,0g)/100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	500	175.980	87.990.000
4	CG504	428	Dutasterid	2	0,5mg	Uống	Viên nang	Viên	10.000	12.600	126.000.000
5	CG505	169	Amoxicilin + acid clavulanic	4	1g + 0,2g	Tiêm/ Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	15.000	28.500	427.500.000
6	CG506	239	Ofloxacin	4	200mg/100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	960	89.000	85.440.000
7	CG507	521	Enalapril	4	Enalapril dạng muối 10mg	Uống	Viên nang	Viên	60.000	1.200	72.000.000
8	CG508	579	Fluvastatin	4	20mg	Uống	Viên nang	Viên	60.000	4.494	269.640.000
9	CG509	583	Rosuvastatin	4	20mg	Uống	Viên nang	Viên	80.000	1.995	159.600.000
10	CG510	804	Levothyroxin (muối natri)	4	Levothyroxin dạng muối 100 mcg	Uống	Viên	Viên	200.000	294	58.800.000
11	CG511	856	Natri hyaluronat	4	0,1%; 8ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	9.000	32.000	288.000.000
12	CG512	992	Glucose	4	10%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	1.000	9.450	9.450.000

TT	Mã HH	STT trong Thông tư 20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (+VAT)	Thành tiền (+VAT)
13	CG513	992	Glucose	4	5%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	5.000	7.648	38.240.000
14	CG514	997	Natri clorid	4	3%/100ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	1.000	7.250	7.250.000
15	CG515	997	Natri clorid	4	0,9%/1000ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	10.000	11.811	118.110.000
16	CG516	997	Natri clorid	4	0,9%/500ml	Tiêm/Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống/bình/hộp/ túi/gói	15.000	6.540	98.100.000
									,		1.999.870.000

